

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	3 - 4
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	5
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu rủi ro và vốn khả dụng	6
Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	7 - 28

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 8, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội.

Văn phòng đại diện Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Bà Nguyễn Thị Ngọc được bổ nhiệm làm Chủ tịch Công ty theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐQT-MBC của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB từ ngày 23 tháng 11 năm 2015.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2015
Bà Trương Thị Hương Trà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2016
Bà Đoàn Kim Dung	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này là Ông Phan Phương Anh, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

331
CÔ
T
ST
TỆ
HI
HÀ
KIẾ



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61020402/010218 – MBCap/ATTC – LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (“Công ty”) được lập ngày 8 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định về lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và các quy định được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công tác soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

12-8
TY
H
YO
NAN
IAN
101
-T
/

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo soát xét


Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các quy định áp dụng, các diễn giải và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Vấn đề khác

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo đó vào ngày 3 tháng 4 năm 2018. Đồng thời báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng



Bà Lê Thị Mỹ Linh
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng VND
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	110.720.628.606
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	1.439.891.878
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	10.649.034.436
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		122.809.554.920
5	Vốn khả dụng	7	506.641.187.141
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		412,54%

Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng

Bà Lê Thị Mỹ Linh
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng TMCP Quân Đội. Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép điều chỉnh lần 1 số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 06/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 2 năm 2015.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang quản lý bốn quỹ đầu tư là Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital, Quỹ Đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam, Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital và Quỹ Đầu tư tăng trưởng MB Capital.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 8, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội. Công ty có một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 25 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 27 người), trong đó có 9 người được cấp chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam ("VND").

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.3 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày, cụ thể như sau:

- ▶ Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- ▶ Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- ▶ Quỹ đầu tư phát triển (nếu có);
- ▶ Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- ▶ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- ▶ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- ▶ Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- ▶ Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- ▶ Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- ▶ Các khoản giảm trừ (*Thuyết minh 3.3.1*);
- ▶ Các khoản tăng thêm (*Thuyết minh 3.3.2*); và
- ▶ Vốn khác (nếu có).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Vốn khả dụng* (tiếp theo)

3.3.1 *Các khoản giảm trừ*

Vốn khả dụng của Công ty được giảm trừ bởi giá trị của các khoản mục sau:

- ▶ Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- ▶ Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- ▶ Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày;
- ▶ Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác, không bao gồm các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 87, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- ▶ Các tài sản dài hạn, không bao gồm các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 87, dự phòng giảm giá đầu tư và dự phòng các khoản phải thu khó đòi;
- ▶ Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có) mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 6, Thông tư 87;
- ▶ Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- ▶ Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- ▶ Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi Vốn khả dụng là tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của công ty hoặc cho bên thứ ba, thì khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- ▶ Giá trị thị trường của tài sản đó xác định theo quy định tại Phụ lục II, Thông tư 87;
- ▶ Giá trị sổ sách của khoản mục giảm trừ;
- ▶ Giá trị còn lại của nghĩa vụ.

Đối với các khoản mục giảm trừ khỏi Vốn khả dụng được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng, khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau:

- ▶ Giá trị sổ sách của khoản mục giảm trừ;
- ▶ Giá trị tài sản đảm bảo cho khoản mục giảm trừ được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) theo Thuyết minh số 3.5.3.

Giá trị thị trường của tài sản được xác định theo quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC. Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Vốn khả dụng* (tiếp theo)

3.3.2 *Các khoản tăng thêm*

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- ▶ Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- ▶ Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 87/2017/TT-BTC.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.4 *Giá trị rủi ro thị trường*

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá trị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường đối với các tài sản là: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- ▶ Cổ phiếu quỹ;
- ▶ Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
 - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- ▶ Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại, trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tính toán;
- ▶ Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

3.4.1 *Hệ số rủi ro thị trường*

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.4.2 Giá tài sản (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được quy định cụ thể như sau:

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</i>		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán
<i>Trái phiếu</i>		
5	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none">- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.
6	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none">Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;+ Giá mua cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.4.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
9	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none">- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.4.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá từ các báo giá;+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none">Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Mệnh giá;+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none">Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:<ul style="list-style-type: none">+ Giá trị sổ sách;+ Giá mua/giá trị vốn góp;+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.4.2 Giá tài sản (tiếp theo)

TT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Quỹ/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán		
14	Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/1CCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
15	Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán
Tài sản cố định		
17	Quyền sử dụng đất	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn
Chứng khoán khác		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	- Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán; - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Giá trị rủi ro thị trường* (tiếp theo)

3.4.3 *Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm*

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.5 *Giá trị rủi ro thanh toán*

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- ▶ Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- ▶ Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.5.1 *Hệ số rủi ro thanh toán*

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.5.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

a. Các giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

► Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
3.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
4.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.5.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá trị của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.4.2.

b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá trị thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá trị thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá trị thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá trị thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Giá trị rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

3.5.2 *Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

b. *Hoạt động giao dịch chứng khoán* (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

c. *Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.5.3 *Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- ▶ Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- ▶ Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

3.5.4 *Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm*

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- ▶ Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;
- ▶ Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Giá trị rủi ro thanh toán* (tiếp theo)

3.5.5 *Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- ▶ Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- ▶ Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- ▶ Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.6 *Giá trị rủi ro hoạt động*

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khác quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% Vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1.	Tiền (VND)	0	12.105.950.467	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0	19.015.572.603	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV. Cổ phiếu				
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	211.607.938.650	21.160.793.865
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	26.334.601.700	3.950.190.255
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	90.517.775.000	18.103.555.000
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	56.819.921.900	17.045.976.570
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	611.600.000	305.800.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13.	Quỹ đại chúng bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	26.608.649.162	2.660.864.916
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	103.224.000.000	30.967.200.000
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50	-	-
VII. Các tài sản khác				
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
18.	Các tài sản đầu tư khác	80	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)	
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)	
VIII. Rủi ro tăng thêm					
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm (%)	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	Đơn vị Quỹ Đầu tư Japan Asia MB Capital	30	30	103.224.000.000	9.290.160.000
2	CAV	10	10	50.000.000.000	500.000.000
3	GEX	20	10	68.594.400.000	1.371.888.000
4	PDN	10	10	48.020.000.000	480.200.000
5	TBD	20	20	80.100.000.000	3.204.000.000
6	VEA	10	30	56.000.000.000	1.680.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)					110.720.628.606

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Giá trị rủi ro VND
1.439.891.878
-
-
1.439.891.878

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (*Thuyết minh 5.1*)
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (*Thuyết minh 5.2*)
Rủi ro tăng thêm

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro VND
		0% (1)	0,8% (2)	3,2% (3)	4,8% (4)	6% (5)	8% (6)	
1. Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán (*)		-	-	-	-	19.016.271.553	3.736.444.813	1.439.891.878,22
2. Cho vay chứng khoán		-	-	-	-	-	-	-
3. Vay chứng khoán		-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại		-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại		-	-	-	-	-	-	-
6. Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất		-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								1.439.891.878

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

(*) Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

	Giá trị sổ sách VND	Giá trị tài sản đảm bảo VND	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác	Giá trị rủi ro thanh toán VND
Các khoản tiền gửi kỳ hạn	19.000.000.000	-	19.000.000.000	6%	1.140.000.000
Phải thu các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính	16.271.553	-	16.271.553	6%	976.293
Phải thu các đối tượng khác	3.736.444.813	-	3.736.444.813	8%	298.915.585
	22.752.716.366	-	22.752.716.366		1.439.891.878

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (tiếp theo)

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro (VND)	Giá trị rủi ro (VND)
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

6. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	46.757.002.960
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	4.160.865.216
1.	Chi phí khấu hao	397.491.760
2.	Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.763.373.456
3.	Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
4.	Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)	42.596.137.744
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	10.649.034.436
V.	20% Vốn pháp định của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		10.649.034.436

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn			
1.	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại	323.795.000.000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại	100.000.000		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	14.107.439.036		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	12.275.760.642		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.148.632.201		
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	46.403.673.232		
9.	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	12.421.775.926		
10.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		11.284.275.926	110.897.264.136
14.	Vốn khác	-		
1A	Tổng			511.865.269.247

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2.	Trả trước cho người bán		149.850.000	
3.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		1.137.500.000	
6.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		3.500.663	
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		21.538.000	
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			-
1B	Tổng			1.312.388.663

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND	Khoản giảm trừ VND	Khoản tăng thêm VND
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		3.066.018.623	
III	Bất động sản đầu tư			-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1.	Đầu tư vào công ty con			-
2.	Vốn góp liên doanh			-
3.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			-
4.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
5.	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			-
6.	Đầu tư dài hạn khác			-
7.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			-
1.	Chi phí trả trước dài hạn		786.455.665	
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			-
3.	Ký cược, ký quỹ dài hạn		59.219.155	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo Thông tư 87/2017/TT-BTC			-
1C	Tổng			3.911.693.443
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				506.641.187.141

Ghi chú:

Không áp dụng cho mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.



Bà Đoàn Kim Dung
Kế toán Trưởng



Bà Lê Thị Mỹ Linh
Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Ông Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 8 tháng 8 năm 2018